

Bản án số: 451/2023/ HNGĐ-ST

Ngày: 18/7/2023

V/v tranh chấp “ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN X – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

Bà Vũ Thị Hiệp

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thoir – Thư ký Toà án nhân dân Quận X.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận X Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/7/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2023/TLST-HN ngày 15 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2023/QĐST- HNGĐ ngày 23/6/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tạ Thị C, sinh năm 1989; địa chỉ: 161/11 Đường P, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Tạ Tương L, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: thôn Đ, xã L, huyện H, Thành phố X; chỗ ở hiện tại: 161/11 Đường P, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/3/2023, Đơn xin thay đổi yêu cầu ngày 25/5/2023 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Tạ Thị C trình bày:

Bà Tạ Thị C và ông Tạ Tương L sống chung với nhau từ năm 2007, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 17/4/2007 - Giấy chứng nhận kết hôn số 45 do Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh H1 (nay là Thành phố X) cấp.

Vợ chồng có 02 con chung là trẻ Tạ Tương Đăng K, sinh ngày 18/10/2008 và trẻ Tạ Phương Bảo A, sinh ngày 06/11/2017.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống ở nhà riêng, không hạnh phúc ngày nào. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi vã; ông L thường xuyên chửi bới, bạo lực và đánh đập vợ con và thường có những lời nói xúc phạm đến gia đình bà,

khiến bà cảm thấy không được tôn trọng. Sau mỗi lần cãi vã, ông L là người chủ động xin lỗi, làm hòa nhưng sau đó vẫn không thay đổi, khiến cho bà chán nản, mệt mỏi. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2021; tuy ở cùng địa chỉ nhưng là 02 căn nhà riêng biệt. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà C xin được ly hôn với ông Tạ Tương L.

Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là Tạ Phương Bảo A, sinh ngày 06/11/2017. Giao trẻ Tạ Tương Đăng K, sinh ngày 18/10/2008 cho ông Tạ Tương L trực tiếp nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Nợ chung của vợ chồng: Không có.

Bị đơn là ông Tạ Tương L vắng mặt tại phiên tòa, có lời khai trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2023: Ông L và bà Tạ Thị C tự nguyện sống chung, có tổ chức lễ cưới, và đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh H1 (nay là Thành phố X).

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với gia đình ông L tại xã S được 06 tháng thì chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng bắt đầu từ thời điểm dịch Covid 19 bùng phát. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống cả về suy nghĩ và cách nuôi dạy con cái. Ngoài ra, vợ chồng còn mâu thuẫn về vấn đề tài chính; mâu thuẫn giữa gia đình bên Nội, bên Ngoại do không hợp nhau... Bản thân ông L không có thu nhập từ sau dịch, do đó tổng thu nhập hàng tháng của hai vợ chồng không đủ chi tiêu dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, thường xuyên xảy ra cãi vã, ông có tự hòa giải với bà C, nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Hiện vợ chồng đang sống chung ở địa chỉ 161/11 Đường P, nhưng sinh hoạt riêng, ngủ riêng, không ai liên quan đến ai.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông L không đồng ý ly hôn với bà Tạ Thị C.

Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Tạ Tương Đăng K, sinh ngày 18/10/2008 và trẻ Tạ Phương Bảo A, sinh ngày 06/11/2017. Do không đồng ý ly hôn. Do đó ông không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tạ Thị C, đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của bé Đăng K để giao bé cho ông hoặc bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với trẻ Bảo A, do còn nhỏ, ông đồng ý giao trẻ cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận;

Về nợ chung: Không có;

Tại phiên tòa hôm nay, bà Tạ Thị C có đơn xin vắng mặt và không có đơn rút yêu cầu xin ly hôn với ông Tạ Tương L.

Ông Tạ Tương L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyền số 01, đăng ký ngày 17/4/2007 do UBND xã S, huyện H, tỉnh H1 cấp thì bà Tạ Thị C và ông Tạ Tương L có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông L đang thực tế cư trú tại Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà C có đơn xin ly hôn nên Tòa án nhân dân Quận X thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 điều 51 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tòa án triệu tập hợp lệ, bà Tạ Thị C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông Tạ Tương L vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về hôn nhân: Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau..”, “vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau..” khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “...Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Cả bà Tạ Thị C và ông Tạ Tương L đều nhìn nhận vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn về quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã; bà C cho rằng ông L còn có hành vi bạo lực với vợ con. Ông Tạ Tương L cho rằng còn thương vợ, không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên ông cũng không có giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện tại, vợ chồng sống trong 2 căn nhà riêng biệt, không còn quan tâm đến nhau. Cho thấy mối quan hệ giữa bà C và ông L không còn gắn bó, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau; phía bà C vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà C.

[3] Về con chung: Bà Tạ Thị C yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là Tạ Phương Bảo A, sinh ngày 06/11/2017. Giao trẻ Tạ Tương Đăng K, sinh ngày 18/10/2008 cho ông Tạ Tương L trực tiếp nuôi dưỡng.

HĐXX xét thấy, phía ông L có ý kiến: “Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tạ Thị C, đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của bé Đăng K để giao bé cho ông hoặc bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với trẻ Bảo A, do còn nhỏ, ông đồng ý giao trẻ cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng”; tại Bản trình bày nguyện

vọng ngày 21/5/2023, trẻ Tạ Tương Đăng K có nguyện vọng được sống với ba là ông Tạ Tương L nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà Tạ Thị C, giao bà C trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Tạ Phương Bảo A; giao ông Tạ Tương L được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Tạ Tương Đăng K.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên đề nghị tự thỏa thuận nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Hai bên đề nghị tự thỏa thuận nên HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Bà Tạ Thị C phải nộp án phí DSST theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, 228, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016); Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TUYÊN XỬ:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Tạ Thị C đối với ông Tạ Tương L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyển số 01, đăng ký ngày 17/4/2007 do UBND xã S, huyện H, tỉnh H1 (Nay là thành phố X) cấp cho ông Tạ Tương L và bà Tạ Thị C không còn giá trị pháp lý.

2/ Về con chung: Giao bà Tạ Thị C trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Tạ Phương Bảo A, sinh ngày 06/11/2017.

Giao ông Tạ Tương L trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Tạ Tương Đăng K, sinh ngày 18/10/2008.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con,

thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tạ Thị C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về lý hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà C đã nộp theo Biên lai thu số 0013065 ngày 15/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận X Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND Quận X;
- Chi cục THA dân sự Quận X;
- UBND xã S, huyện H, tỉnh H1 (Nay là thành phố X);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Minh Châu